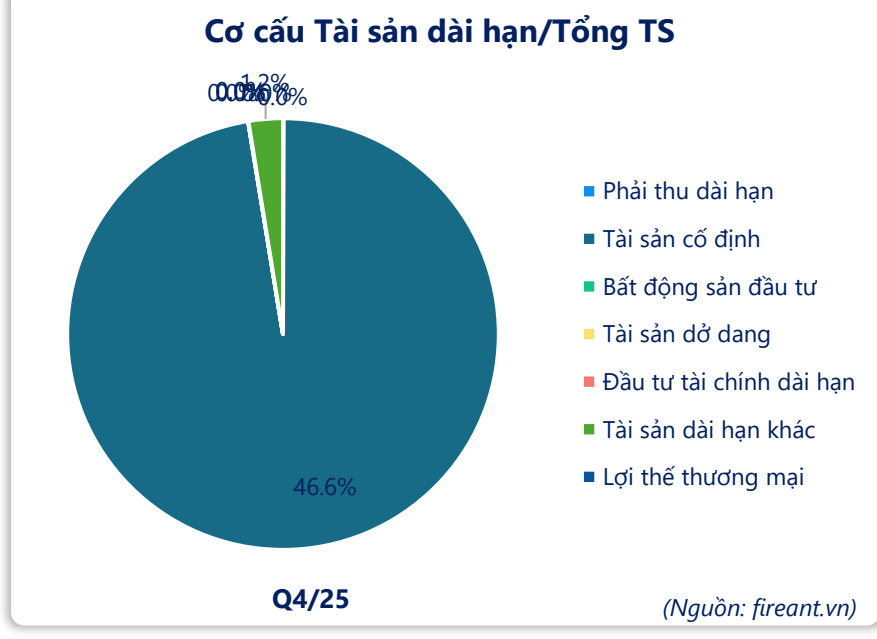
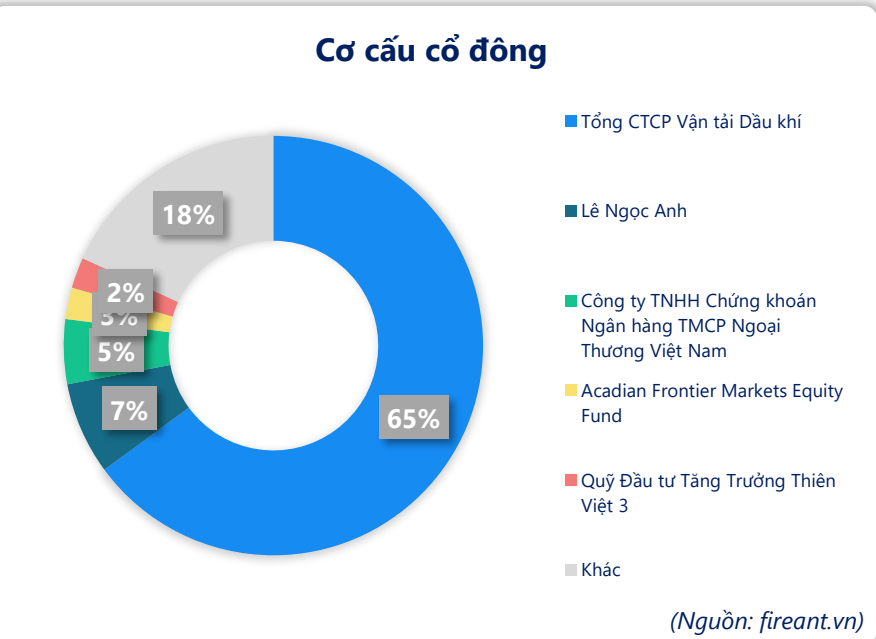
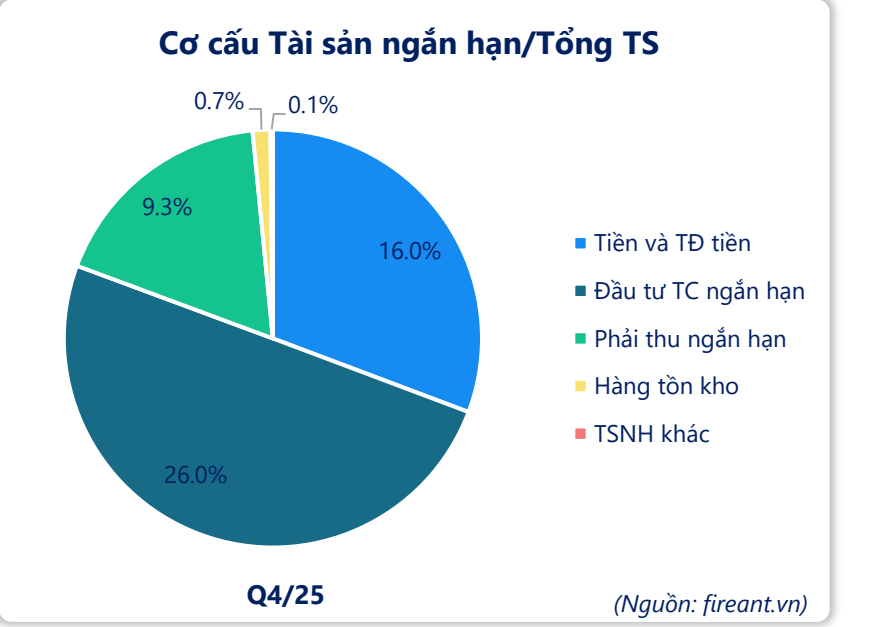
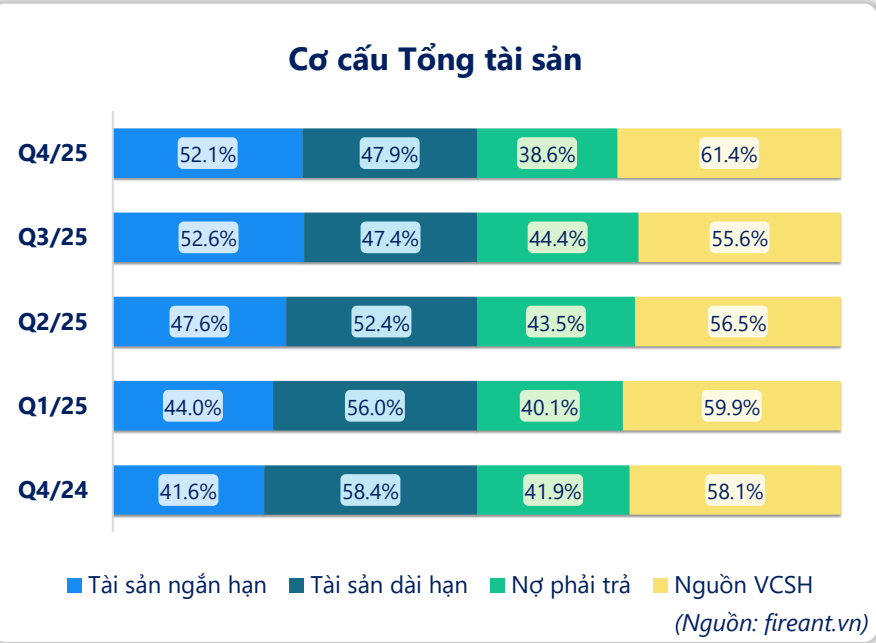
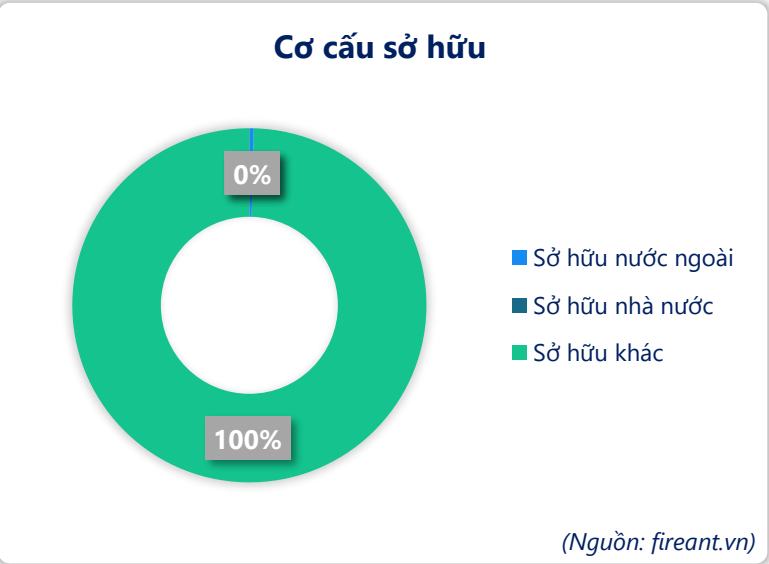
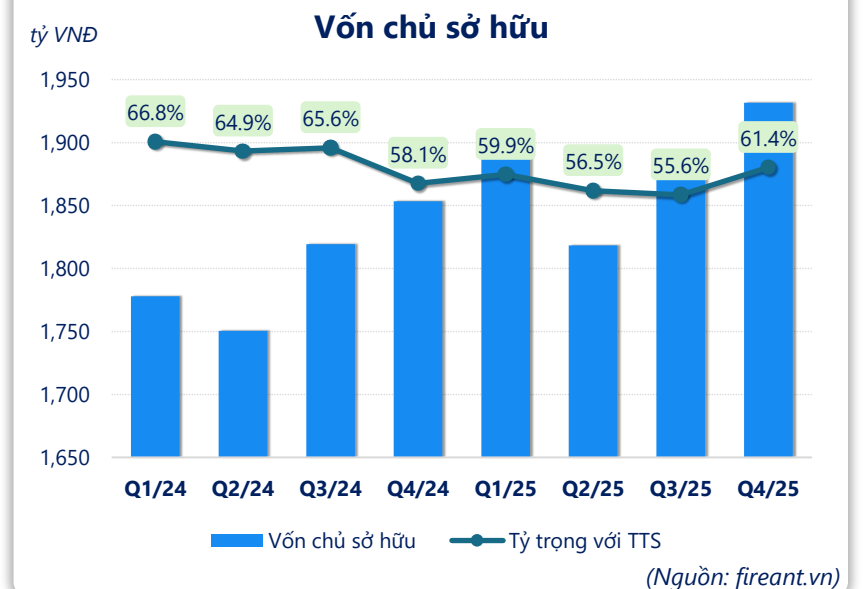
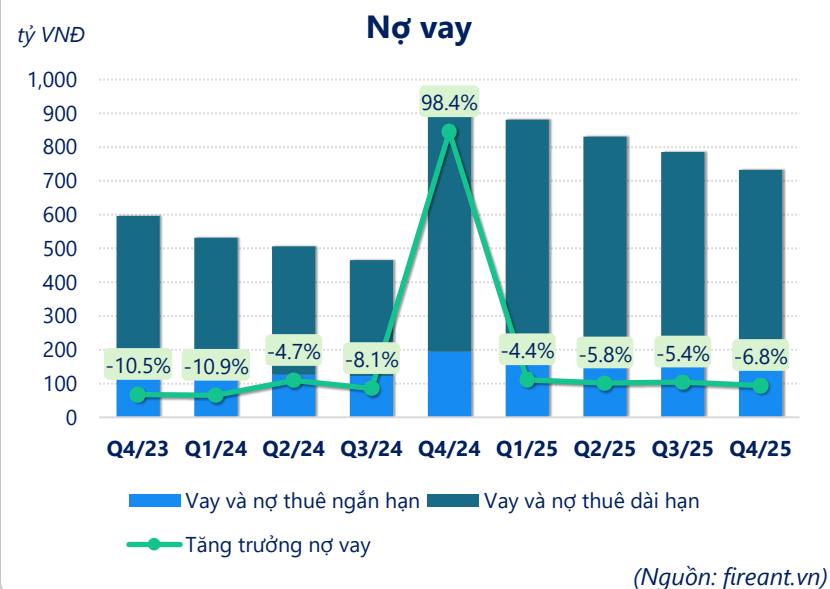
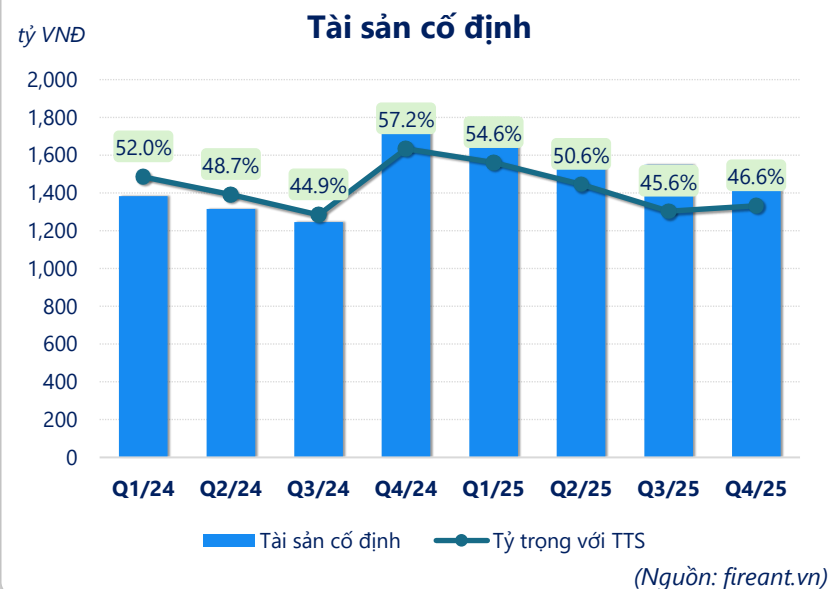
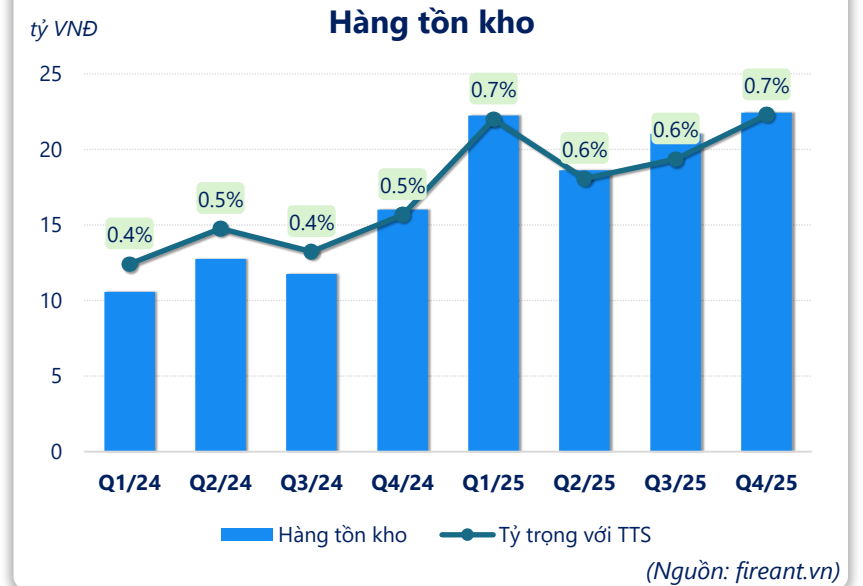
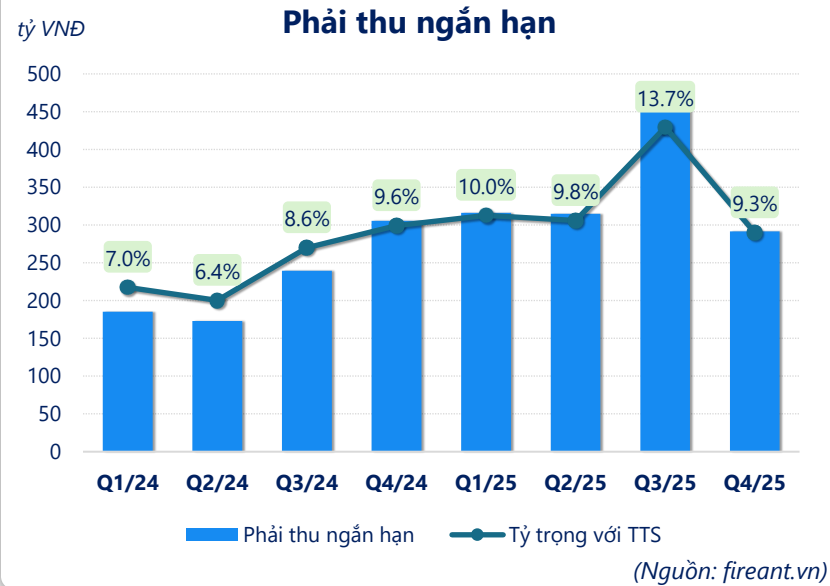
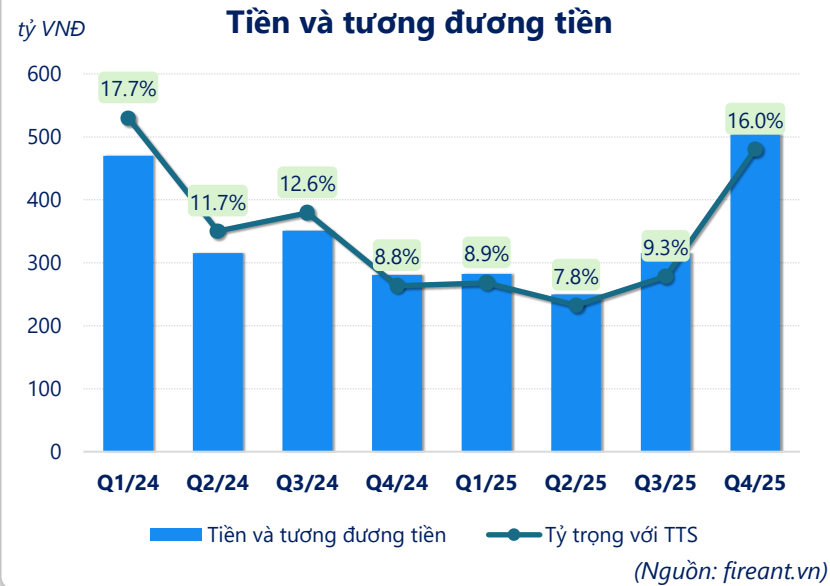
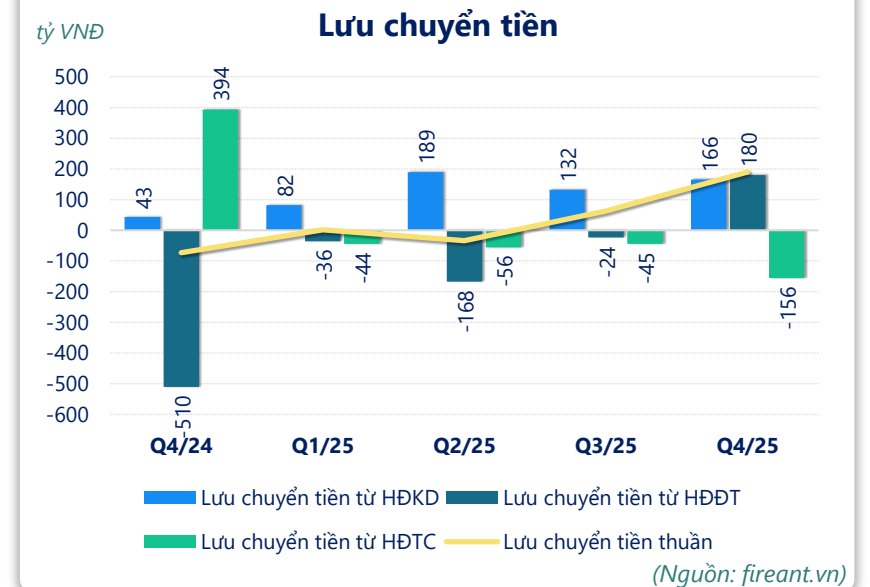
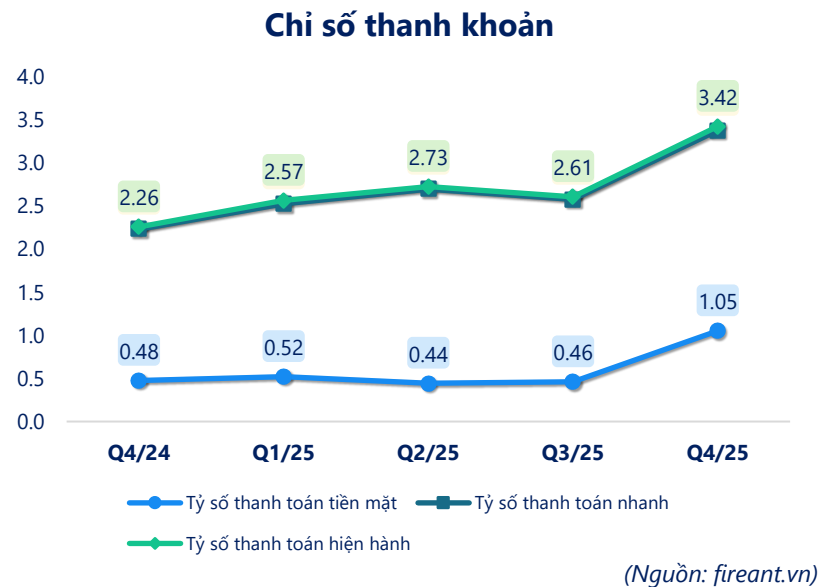
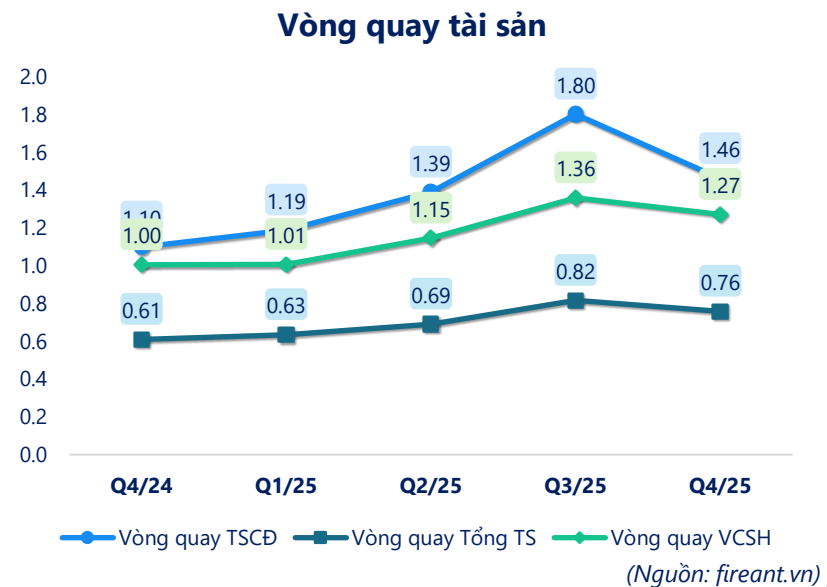
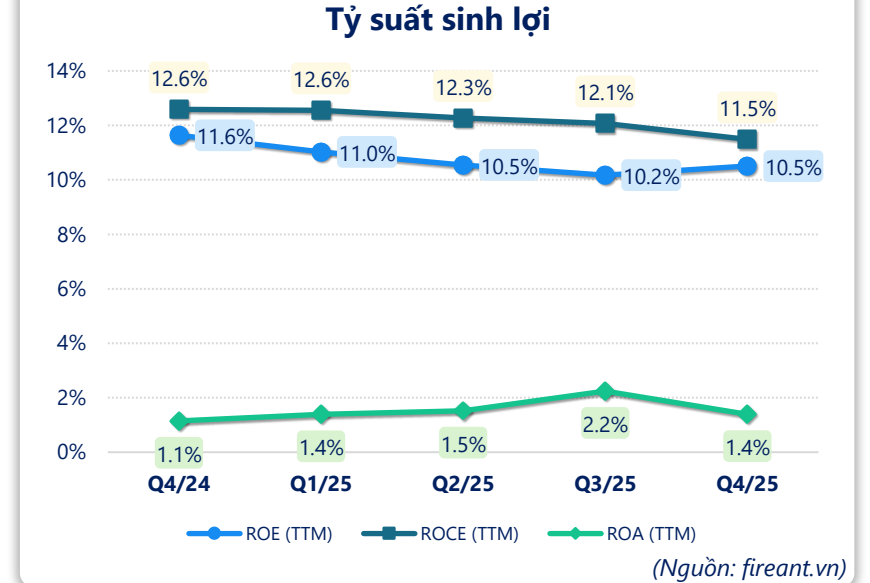
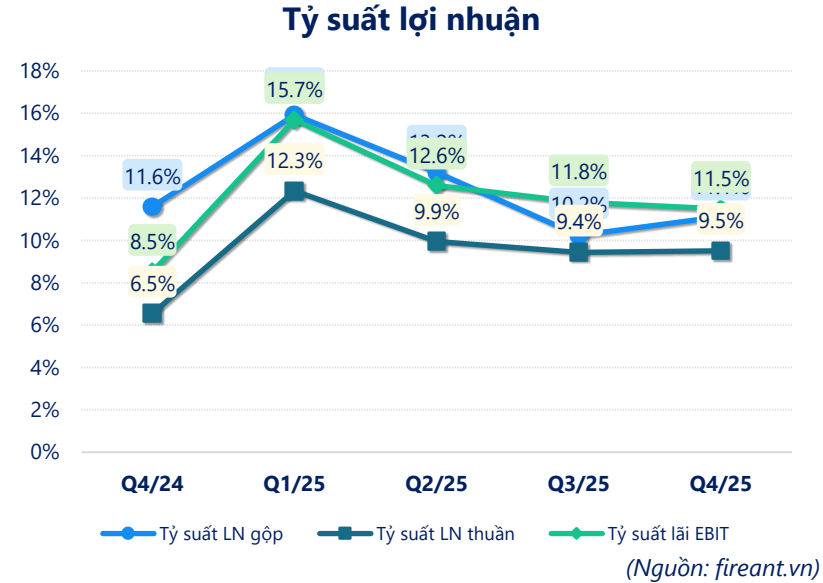
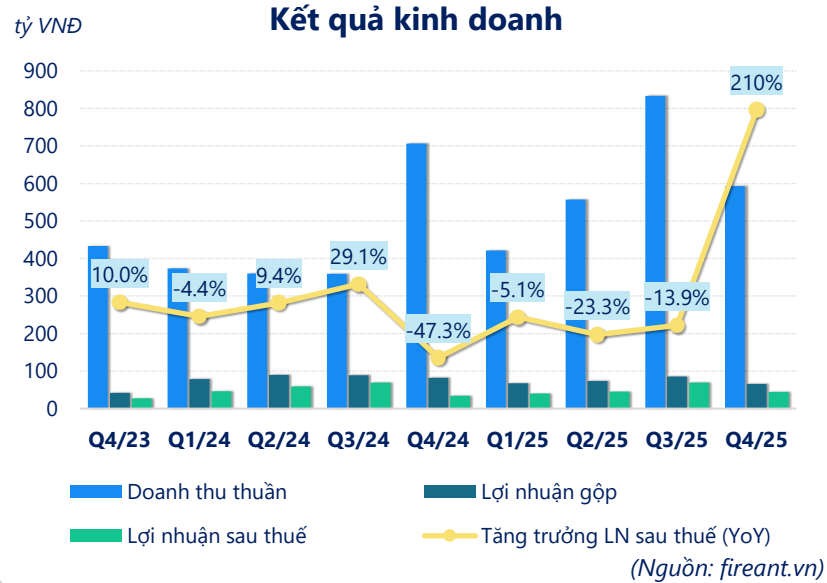


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,925
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,016
SL cổ phiếu LH		103,702,452
KLGD BQ 20 phiên (CP)		149,770
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,452
P/E		7.3
EPS		1,917

	YTD	1T	3T	6T
PVP	-17.3%	-4.8%	-0.5%	-4.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,147	3,186	-1.2%
Tài sản ngắn hạn	1,640	1,321	24.1%
Tiền và tương đương tiền	504	281	79.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	819	721	13.6%
Phải thu ngắn hạn	292	300	-2.8%
Hàng tồn kho	22.4	16.0	40.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.16	3.87	-18.3%
Tài sản dài hạn	1,507	1,865	-19.2%
Phải thu dài hạn	0.77	10.8	-92.8%
Tài sản cố định	1,467	1,823	-19.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.34	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	38.7	30.7	26.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,215	1,334	-8.9%
Nợ ngắn hạn	479	583	-17.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	158	194	-18.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	143	163	-12.0%
Nợ dài hạn	736	751	-2.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	575	728	-21.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,932	1,852	4.3%
Vốn chủ sở hữu	1,932	1,852	4.3%
Vốn điều lệ	1,037	1,037	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	707	421	557	833	593
Giá vốn hàng bán	625	354	483	748	527
Lợi nhuận gộp	81.9	67.0	73.5	85.3	66.0
Doanh thu HĐTC	12.8	12.3	17.5	20.0	15.3
Chi phí TC	25.2	17.6	23.4	13.5	14.4
Chi phí lãi vay	13.9	14.1	13.6	12.5	12.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	23.3	9.79	12.3	13.2	10.6
LN thuần từ HĐKD	46.2	52.0	55.4	78.6	56.4
Lợi nhuận khác	0.00	-0.01	1.18	7.28	-0.28
LN trước thuế	46.2	51.9	56.5	85.9	56.1
Lợi nhuận sau thuế	33.9	40.4	45.0	69.2	44.2
LNST của CĐ cty mẹ	33.9	40.4	45.0	69.2	44.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	43.1	81.8	189	132	166
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-510	-36.0	-168	-23.9	180
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	394	-44.3	-55.8	-44.8	-156
Tiền đầu kỳ	351	281	282	250	315
Lưu chuyển tiền thuần	-73.0	1.55	-34.2	63.1	190
Ảnh hưởng tỷ giá	2.74	0.11	1.50	2.57	-1.24
Tiền cuối kỳ	281	282	250	315	504

(Nguồn: fireant.vn)